

Số: 292/KH-TQK

Quận 12, ngày 21 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Về thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường THCS Trần Quang Khải Năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDĐT-TC ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Căn cứ hướng dẫn số 4103/HDLS/BHXH-GDĐT ngày 01/08/2023 của BHXH Thành phố về mức thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên NH2023-2024;

Trường THCS Trần Quang Khải xây dựng kế hoạch thu, sử dụng học phí và thu khác tại đơn vị năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Mục đích:

- Thực hiện công khai nội dung thu và sử dụng các khoản thu đến từng phụ huynh học sinh.
- Giúp phụ huynh học sinh chủ động trong việc đóng góp ý kiến và có được sự đồng thuận của phụ huynh về các khoản thu và sử dụng học phí, thu khác của nhà trường.
- Thực hiện quyền tự chủ, đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật.

2. Nguyên tắc:

- Thu đủ bù chi và sử dụng các khoản thu đúng mục đích thu, thực hiện công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến phụ huynh học sinh trước khi thực hiện.

3. Phạm vi áp dụng:



Toàn thể Cán bộ, Giáo viên, nhân viên và Học sinh thuộc trường THCS Trần Quang Khải.

II. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/9 tháng)	60.000	

2. Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá:

Nội dung	Mức thu
Học phí học buổi 2 / ngày trong nhà trường K6,7,8 (đồng/ tiết/ học sinh) K9	Không thu
Học phí lớp tự chọn tin học K9 (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	46.000
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7,8 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,9 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	69.000
Học phí stem K7,9 (đồng /học sinh /tháng)	90.000

3. Thu tổ chức các lớp học theo đề án “ nâng cao năng lực , kiến thức , kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông TPHCM theo định hướng chuẩn Quốc tế , giai đoạn 2021-2030 : IC3

Nội dung	Mức thu
Học phí IC3 K6,7,8 (60 tiết) (đồng/ tiết/ học sinh/ tháng))	133.000

4. Thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

Nội dung	Mức thu
Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	680.400
Bảo hiểm tai nạn học sinh	60.000

(đồng/học sinh/12 tháng)	
Ăn chỉ hồ sơ học sinh (đồng/học sinh/năm học)	50 000
Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Tiền khám sức khoẻ học sinh ban đầu (đồng/ học sinh/năm)	22.000
Phần mềm trực tuyến ôn luyện (đồng/ học sinh/tháng)	45.000

III. SỬ DỤNG:

1. Nguồn thu học phí

* Mức thu: Theo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

* Nội dung chi:

- Trích 40% tổng thu học phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

Cụ thể:

- 60% hỗ trợ các hoạt động chi thường xuyên tại đơn vị như: điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...; dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

2. Nguồn thu tổ chức buổi 2/ngày: không thu

3. Nguồn thu tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn:

* Mức thu: 46.000 đ/HS/tháng gồm K9

* Nội dung chi:

- Chi hỗ trợ cho giáo viên Tin học tự chọn đối với số tiết dạy vượt quy định thực hiện theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013; trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng giáo viên Tin học; thỉnh giảng giáo viên dạy Tin học tự chọn với định mức 70.000đ/tiết;

- Chi không quá 15% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn

tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

4. Nguồn thu tổ chức dạy Kỹ năng sống:

* Mức thu: 69.000 đồng/học sinh/tháng gồm : K6,9

* Nội dung chi:

Chi 68% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo Kỹ năng sống

Chi không quá 7% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

5. Nguồn thu tổ chức Giáo dục Stem:

* Mức thu: 90.000 đồng/học sinh/tháng gồm K7,9

* Nội dung chi:

Chi 88% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo.

Chi không quá 6% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử

dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

6. Nguồn thu tổ chức học bơi:

* Mức thu: 120.000 đồng/học sinh/khóa (không bao gồm phí làm giấy chứng nhận bơi)

* Nội dung chi:

+ Chi 78% trả đơn vị đào tạo học bơi.

+ Chi không quá 15% hỗ trợ ban tổ chức hoạt động dạy và học môn bơi lội. :
Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...), dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

7. Nguồn thu tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài:

* Mức thu: 180.000 đồng/học sinh/tháng gồm K6,7,8

* Nội dung chi:

Chi 78% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo tiếng Anh bản ngữ

Chi không quá 7% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

8. Nguồn thu tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học theo định hướng chuẩn quốc tế” (Tin học IC3):

* Mức thu: 133.000 đồng/học sinh/tháng (9 tháng): 60 tiết gồm K6,7,8

* Nội dung chi:

Chi 88% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo IC3.

Chi không quá 6% hỗ trợ cho công tác quản lý, nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

9. Nguồn thu mua sắm ấn chỉ ấn phẩm học sinh :

* Mức thu: 50.000 đồng/học sinh/năm học gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi:

- Chi mua giấy A3, A4 làm bài kiểm tra , thuê máy photo...
- Chi mua hồ sơ học sinh : Phù hiệu, giấy thi ...

10. Tiền nước uống:

* Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi: Chi trả tiền nước uống học sinh cho đơn vị cung cấp.

11. Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (Bao gồm khám nha học đường):

* Mức thu: 22.000 đồng/học sinh/năm học gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi: Chi trả 100% tiền khám sức khỏe học sinh.

12. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (phần mềm trực tuyến ôn luyện):

* Mức thu: 45.000 đồng/học sinh/tháng gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi:

Chi 100% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo .

13. Tiền Bảo hiểm y tế học sinh:

* Mức thu: theo hướng dẫn Liên sở số 4103/HDLS-BHXH-GDĐT ngày 01/8/2023 của Liên sở Giáo dục Đào tạo và Bảo hiểm xã hội TP.HCM về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

* Nội dung chi: Chi nộp 100% cho Bảo hiểm xã hội Quận 12.

14. Tiền Bảo hiểm tai nạn học sinh:

* Mức thu: theo Thông báo mức phí bảo hiểm của công ty Bảo Minh Bình Dương.

* Nội dung chi: Chi nộp 100% cho công ty Bảo Minh Bình Dương

IV. VỀ THANH TOÁN CÁC KHOẢN THU .

Để đảm bảo an toàn không để phụ huynh học sinh phải đến trường để thanh toán học phí và các khoản thu khác, nhà trường phát phiếu báo học phí cho phụ huynh học sinh qua các kênh liên lạc của lớp, trường và hướng dẫn phụ huynh học sinh nộp tiền học phí qua các kênh thanh toán như Internet banking, Mobile Banking, SSC, VNPay, PayME,... Phụ huynh có thể thực hiện tra cứu các khoản học phí phải nộp tại Website: <https://sscc.vn/> và thực hiện đóng tiền học phí tại website trên theo hướng dẫn tại phiếu báo học phí

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

5.1 Giao Giáo viên chủ nhiệm tổ chức lấy ý kiến phụ huynh học sinh về mức thu và sử dụng các khoản thu trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm theo kế hoạch trên (nêu rõ nội dung các khoản thu theo quy định, khoản thu thỏa thuận và khoản thu thu hộ - chi hộ);

5.2 Giao bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm tổng hợp ý kiến của phụ huynh học sinh về mức thu và sử dụng các khoản thu trình Hiệu trưởng phê duyệt và có văn bản gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Tài chính – Kế hoạch xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân quận cho chủ trương thực hiện.

Trên đây kế hoạch về thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải năm học 2023-2024, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT “để báo cáo”;
- Phụ huynh học sinh “để lấy ý kiến”;
- Giáo viên chủ nhiệm “để thực hiện”;
- Lưu: VT.



Đinh Văn Trịnh

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Học kỳ I Năm học 2023 - 2024 KHỐI 6

Stt	Nội dung thu khối 6	Số tháng	Mức thu		Ghi chú		K6	K7	K8	K9
			Theo tháng	Theo HK						
1	Học phí qui định (4 tháng)	4	60.000	240.000	04 tháng (T09 đến T12)	Học phí qui định (4 tháng)	240.000	240.000	240.000	240.000
2	Tin học tự chọn				Không thu	Tin học tự chọn				184.000
3	Học buổi 2 / ngày				0 Không thu	Học buổi 2 / ngày (3,5 tháng)	0	0	0	0
4	Học phí tiếng Anh bản ngữ (3,5 tháng)	3,5	180.000	630.000	(2 tiết/ tuần x 14 tuần)	Học phí tiếng Anh bản ngữ (3,5 tháng)	630.000	630.000	630.000	
5	Học phí kỹ năng sống (1 tháng)	1	69.000	69.000	(1 tiết/ tuần)	Học phí kỹ năng sống (1 tháng)	69.000			69.000
6	Stem				Không thu	Stem		90.000		90.000
7	Học phí tin học quốc tế IC3	4	133.000	532.000	60 tiết	Học phí tin học quốc tế IC3 + học liệu	532.000	532.000	532.000	
8	Tiền học bơi (năm học)				0 Không thu	Tiền học bơi (năm học)	0	0	0	
9	Tiền ấn chỉ ấn phẩm (năm học)	1	50.000	50.000	50.000/ năm	Tiền ấn chỉ ấn phẩm (năm học)	50.000	50.000	50.000	50.000
10	Tiền nước uống học sinh (4 tháng)	4	10.000	40.000	04 tháng (T09 đến T12)	Tiền nước uống học sinh (4 tháng)	40.000	40.000	40.000	40.000
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)	1	22.000	22.000	22.000/ năm	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)	22.000	22.000	22.000	22.000
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000		Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	180.000	180.000	180.000	180.000
	Cộng		569.000	1.763.000			1.763.000	1.784.000	1.694.000	875.000

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK1/2023-2024 trước ngày 15/11/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Học kỳ I Năm học 2023 - 2024 KHỐI 7

Stt	Nội dung thu khối 7	Số tháng	Mức thu		Ghi chú
			Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (4 tháng)	4	60.000	240.000	04 tháng (T09 đến T12)
2	Tin học tự chọn				0 Không thu
3	Học buổi 2 / ngày				0 Không thu
4	Học phí tiếng Anh bản ngữ (3,5 tháng)	3,5	180.000	630.000	(2 tiết/ tuần x 14 tuần)
5	Học phí kỹ năng sống				0 Không thu
6	Stem (1 tháng)	1	90.000	90.000	(1 tiết/ tuần)
7	Học phí tin học quốc tế IC3	4	133.000	532.000	60 tiết
8	Tiền học bơi				0 Không thu
9	Tiền ấn chỉ ấn phẩm (năm học)	1	50.000	50.000	50.000/ năm
10	Tiền nước uống học sinh (4 tháng)	4	10.000	40.000	04 tháng (T09 đến T12)
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)	1	22.000	22.000	22.000/ năm
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	
	Cộng		710.000	1.784.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK1/2023-2024 trước ngày 15/11/2023.



THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ I Năm học 2023 - 2024 KHỐI 8

Stt	Nội dung thu khối 8	Số tháng	Mức thu		Ghi chú
			Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (4 tháng)	4	60.000	240.000	04 tháng (T09 đến T12)
2	Tin học tự chọn			0	Không thu
3	Học buổi 2 / ngày			0	(Văn, Toán, Anh: 5 tiết/ tuần)
4	Học phí tiếng Anh bán ngữ (3.5 tháng)	3,5	180.000	630.000	(2 tiết/ tuần x 14 tuần)
5	Học phí kỹ năng sống			0	Không thu
6	Stem			0	Không thu
7	Học phí tin học quốc tế IC3	4	133.000	532.000	60 tiết
8	Tiền học bơi			0	Không thu
9	Tiền ăn chi ăn phẩm (năm học)	1	50.000	50.000	50.000/ năm
10	Tiền nước uống học sinh (4 tháng)	4	10.000	40.000	04 tháng (T09 đến T12)
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)	1	22.000	22.000	22.000/ năm
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	
	Cộng		500.000	1.694.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 15/11/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ I Năm học 2023 - 2024 KHỐI 9

Stt	Nội dung thu khối 9	Số tháng	Mức thu		Ghi chú
			Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (4 tháng)	4	60.000	240.000	04 tháng (T09 đến T12)
2	Tin học tự chọn (4 tháng)	4	46.000	184.000	04 tháng (T09 đến T12)
3	Học buổi 2 / ngày			0	Không thu
4	Học phí tiếng Anh bán ngữ			0	Không thu
5	Học phí kỹ năng sống (1 tháng)	1	69.000	69.000	(1 tiết/ tuần)
6	Stem (1 tháng)	1	90.000	90.000	(1 tiết/ tuần)
7	Học phí tin học quốc tế IC3			0	Không thu
8	Tiền học bơi			0	Không thu
9	Tiền ăn chi ăn phẩm (năm học)	1	50.000	50.000	50.000/ năm
10	Tiền nước uống học sinh (4 tháng)	4	10.000	40.000	04 tháng (T09 đến T12)
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)	1	22.000	22.000	22.000/ năm
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	
	Cộng		392.000	875.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK1/2023-2024 trước ngày 15 /11 /2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**VỀ VIỆC XÁC NHẬN VIỆC THỎA THUẬN CÁC KHOẢN THU
GIỮA CHA MẸ HỌC SINH VỚI NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 - 2024**

I. Thời gian: 10 giờ 00 ngày 21 tháng 10 năm 2023

II. Địa điểm: Trường THCS Trần Quang Khải - Q.12

III. Thành phần:

1. Đại diện Trường THCS Trần Quang Khải

- Ông Đinh Văn Trịnh Chức vụ: Hiệu trưởng;
- Bà Hồ Ngọc Oanh Chức vụ: Kế toán;
- Bà Huỳnh Thị Hồng Nương Chức vụ: Thủ quỹ.

2. Đại diện Cha mẹ học sinh trường THCS Trần Quang Khải

- Ông Đinh Quang Anh Tuấn Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Phó Trưởng Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Thành viên Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Thành viên Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh;

IV. Nội dung:

* Thông qua các văn bản hướng dẫn:

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDDT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDĐT-TC ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Kế hoạch số 292/KH-TQK ngày 21 tháng 10 năm 2023 của trường THCS Trần Quang Khải về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024;

I. Về mức thu:

1. Thu học phí:



Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/9 tháng)	60.000	

2. Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá:

Nội dung	Mức thu
Học phí học buổi 2 / ngày trong nhà trường K6,7,8 (đồng/ tiết/ học sinh) K9	Không thu
Học phí lớp tự chọn tin học K9 (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	46.000
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7,8 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,9 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	69.000
Học phí stem K7,9 (đồng /học sinh /tháng)	90.000

3. Thu tổ chức các lớp học theo đề án “ nâng cao năng lực , kiến thức , kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông TPHCM theo định hướng chuẩn Quốc tế , giai đoạn 2021-2030 : IC3

Nội dung	Mức thu
Học phí IC3 K6,7,8 (60 tiết) (đồng/ tiết/ học sinh/ tháng))	133.000

4. Thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

Nội dung	Mức.thu
Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	680.400
Bảo hiểm tai nạn học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	60.000
Ăn chỉ hồ sơ học sinh (đồng/học sinh/năm học)	50 000

Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (đồng/ học sinh/năm)	22.000
Phần mềm trực tuyến ôn luyện (đồng/ học sinh/tháng)	45.000

* Ghi chú: Số lượng phụ huynh đồng ý tính trên số lượng phụ huynh học sinh dự họp.

3. Về nội dung chi:

100% phụ huynh học sinh thống nhất với nội dung chi theo Kế hoạch số 292/KH-TQK ngày 21 tháng 10 năm 2023 về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024 của nhà trường.

Tất cả các thành viên dự họp nhất trí với kết quả tổng hợp ý kiến của phụ huynh học sinh như trên và thống nhất triển khai thực hiện.

Biên bản được thông qua và kết thúc lúc 11 giờ 30 cùng ngày.

**ĐẠI DIỆN
CHA MẸ HỌC SINH TRƯỜNG
TRƯỞNG BAN**

Đinh Văn Trịnh

**ĐẠI DIỆN
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI
HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Trịnh



Số: 303 /TB-TQK

Quận 12, ngày 01 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU, SỬ DỤNG HỌC PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDDĐT-TC ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Căn cứ hướng dẫn số 4103/HDLĐ/BHXH-GDDĐT ngày 01/08/2023 của BHXH Thành phố về mức thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên NH2023-2024;

Căn cứ Công văn số 1418/GDDĐT-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Phòng giáo dục về việc phê duyệt các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường THCS Trần Quang Khải NH 2023 - 2024 ;

Trường THCS Trần Quang Khải xây dựng kế hoạch thu, sử dụng học phí và thu khác tại đơn vị năm học 2023-2024 như sau:

I. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/9 tháng)	60.000	

2. Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa:

Nội dung	Mức thu
----------	---------

Nội dung	Mức thu
Học phí học buổi 2 / ngày trong nhà trường K6,7,8 (đồng/ tiết/ học sinh) K9	
Học phí lớp tự chọn tin học K9 (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	46.000
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7,8 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,9 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	69.000
Học phí stem K7,9 (đồng /học sinh /tháng)	90.000

3. Thu tổ chức các lớp học theo đề án “ nâng cao năng lực , kiến thức , kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông TPHCM theo định hướng chuẩn Quốc tế , giai đoạn 2021-2030 : IC3

Nội dung	Mức thu
Học phí IC3 K6,7,8 (62 tiết) (đồng/ tiết/ học sinh/ tháng))	133.000

4. Thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

Nội dung	Mức thu
Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	680.400
Bảo hiểm tai nạn học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	60.000
Ấn chỉ hồ sơ học sinh (đồng/học sinh/năm học)	50 000
Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Tiền khám sức khoẻ học sinh ban đầu (đồng/ học sinh/năm)	22.000
Phần mềm trực tuyến ôn luyện (đồng/ học sinh/tháng)	45.000

III. SỬ DỤNG:

1. Nguồn thu học phí

* Mức thu: Theo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

* Nội dung chi:

- Trích 40% tổng thu học phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

Cụ thể:

- 60% hỗ trợ các hoạt động chi thường xuyên tại đơn vị như: điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...; dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

2. Nguồn thu tổ chức buổi 2/ngày: Không thu

3. Nguồn thu tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn:

* Mức thu: 46.000 đ/HS/tháng gồm K9

* Nội dung chi:

- Chi hỗ trợ cho giáo viên Tin học tự chọn đối với số tiết dạy vượt quy định thực hiện theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013; trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng giáo viên Tin học; thỉnh giảng giáo viên dạy Tin học tự chọn với định mức 70.000đ/tiết;

- Chi không quá 15% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

4. Nguồn thu tổ chức dạy Kỹ năng sống:

* Mức thu: 69.000 đồng/học sinh/tháng gồm : K6,9

* Nội dung chi:

Chi 68% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo Kỹ năng sống

Chi không quá 7% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ

trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

5. Nguồn thu tổ chức Giáo dục Stem:

* Mức thu: 90.000 đồng/học sinh/tháng gồm K7,9

* Nội dung chi:

Chi 88% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo.

Chi không quá 6% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

6. Nguồn thu tổ chức học bơi:

* Mức thu: 120.000 đồng/học sinh/khóa (không bao gồm phí làm giấy chứng nhận bơi)

* Nội dung chi:

+ Chi 78% trả đơn vị đào tạo học bơi.

+ Chi không quá 15% hỗ trợ ban tổ chức hoạt động dạy và học môn bơi lội. :
Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...), dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp

đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

7. Nguồn thu tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài:

* Mức thu: 180.000 đồng/học sinh/tháng gồm K6,7,8

* Nội dung chi:

Chi 78% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo tiếng Anh bản ngữ

Chi không quá 7% hỗ trợ công tác quản lý. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

8. Nguồn thu tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học theo định hướng chuẩn quốc tế” (Tin học IC3):

* Mức thu: 133.000 đồng/học sinh/tháng (9 tháng): 60 tiết gồm K6,7,8

* Nội dung chi:

Chi 88% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo IC3.

Chi không quá 6% hỗ trợ cho công tác quản lý, nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

9. Nguồn thu mua sắm ấn chỉ ấn phẩm học sinh :

* Mức thu: 50.000 đồng/học sinh/năm học gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi:

- Chi mua giấy A3, A4 làm bài kiểm tra , thuê máy photo...

- Chi mua hồ sơ học sinh : Phù hiệu, giấy thi ...

10. Tiền nước uống:

* Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi: Chi trả tiền nước uống học sinh cho đơn vị cung cấp.

11. Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (Bao gồm khám nha học đường):

* Mức thu: 22.000 đồng/học sinh/năm học gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi: Chi trả 100% tiền khám sức khỏe học sinh.

12. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (phần mềm trực tuyến ôn luyện):

* Mức thu: 45.000 đồng/học sinh/tháng gồm K6,7,8,9

* Nội dung chi:

Chi 100% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo .

13. Tiền Bảo hiểm y tế học sinh:

* Mức thu: theo hướng dẫn Liên sở số 4103/HDLS-BHXH-GDDT ngày 01/8/2023 của Liên sở Giáo dục Đào tạo và Bảo hiểm xã hội TP.HCM về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

* Nội dung chi: Chi nộp 100% cho Bảo hiểm xã hội Quận 12.

14. Tiền Bảo hiểm tai nạn học sinh:

* Mức thu: theo Thông báo mức phí bảo hiểm của công ty Bảo Minh Bình Dương.

* Nội dung chi: Chi nộp 100% cho công ty Bảo Minh Bình Dương

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

3.1 Trên cơ sở mức thu ,giao bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm tổng hợp xây dựng mức thu theo quy định , trường hợp có chênh lệch với mức tạm thu đề nghị trình hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch điều chỉnh (tăng hoặc giảm)mức thu và thông báo cụ thể đến từng phụ huynh học sinh .

3.2 Giao bộ phận quản lý Website đăng thông báo công khai trên trang Web của trường , giao giáo viên chủ nhiệm thông báo nội dung công khai các

khoản thu đến từng phụ huynh học sinh theo quy định . Bộ phận văn phòng có trách nhiệm phát hành thông báo và dán bảng thông tin để phụ huynh được thông tin đầy đủ nội dung thu theo qui định của nhà trường .

Trên đây thông báo công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải năm học 2023-2024, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Thông báo bảng , Website
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đình Văn Trịnh

Số: 289 /TQK
V/v đề nghị phê duyệt
nội dung thu năm học 2023-2024.

Quận 12, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12.

Căn cứ công văn 7238/UBND-PGD-TC ngày 17/10/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 12 về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Trường THCS Trần Quang Khải đề xuất mức thu tại đơn vị với các nội dung sau:

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa				
1	Tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	đồng/họcsinh/tháng	46.000	Khối 9
2	Tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/họcsinh/tháng	69.000	K6,9
3	Tổ chức giáo dục Stem	đồng/họcsinh/tháng	90.000	K7,9
4	Tổ chức học bơi (ngoài nhà trường)	đồng/họcsinh/tháng	120.000	Không bao gồm cấp giấy chứng nhận bơi K6,7,8
5	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/họcsinh/tháng	180.000	K6,7,8
II. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các đề án				
6	Tổ chức học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học theo định hướng chuẩn Quốc tế" (Tin học IC3)(62 tiết)	đồng/họcsinh/tháng	133.333	K6,7,8
III. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú				
IV. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
7	Tiền học phẩm	đồng/họcsinh/năm	50.000	K6,7,8,9

8	Tiền nước uống	đồng/họcsinh/tháng	10.000	K6,7,8,9
09	Khám sức khỏe học sinh ban đầu	đồng/họcsinh/năm	22.000	(bao gồm khám nha học đường) K6,7,8,9
10	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: + Phần mềm học trực tuyến ôn luyện	đồng/họcsinh/tháng	45.000	K6,7,8,9

Trên đây là nội dung thu, mức thu trong năm học 2023- 2024, kính chuyển phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để đơn vị thực hiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Trịnh

Phê duyệt của phòng Giáo dục và Đào tạo

.....

TRƯỞNG PHÒNG



Số: 801 /TTr-TQK

Quận 12, ngày 27 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt mức thu các hoạt động dịch vụ phục vụ,
hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023 - 2024

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDĐT-TC ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải đã xây dựng dự toán thu chi các hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa năm học 2023-2024 và tiến hành lấy ý kiến của phụ huynh học sinh trong cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh ngày 13 và 14 tháng 9 năm 2023 và ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày 27 tháng 9 năm 2023.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 Trường đã có biên bản báo cáo tình hình tổng hợp ý kiến về dự toán thu chi theo Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

Nay trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải kính trình Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt mức thu các hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 tại đơn vị, cụ thể như sau:



Stt	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo quy định tại CV 7238/UBND-GDDT-TC	Mức thu đơn vị đề nghị phê duyệt	Ghi chú
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa				
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày				
2	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (<i>áp dụng cho học sinh K9</i>)	đồng/học sinh/tháng	46.000	46.000	
3	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	69.000	69.000	
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem	đồng/học sinh/tháng	90.000	90.000	
5	Tiền tổ chức Học bơi (<i>8 tiết/ tháng, áp dụng cho học sinh K6,7 chưa có GCNPC bơi</i>)	đồng/học sinh/tháng	120.000	120.000	
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (<i>áp dụng cho học sinh K6,7,8</i>)	đồng/học sinh/tháng	200.000	180.000	
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án				
1	Tiền tổ chức dạy tin học theo chuẩn quốc tế (IC3) (<i>60 tiết, áp dụng cho khối 6,7,8</i>)	đồng/học sinh/tháng	156.000	156.000	
III	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
1	Học phẩm (<i>học bạ, phù hiệu, giấy kiểm tra cắt phách, đề thi</i>)	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	
2	Tiền nước uống (1 buổi)	đồng/học sinh/tháng	10.000	10.000	
3	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (<i>bao gồm khám nha học đường</i>)	đồng/học sinh/năm	50.000	22.000	
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (<i>phần mềm ôn luyện</i>)	đồng/học sinh/năm (9 tháng)	110.000	45.000	

(Đính kèm dự toán thu chi các khoản hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục)

Trên đây là tờ trình đề nghị phê duyệt mức thu các hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải kính trình Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định phê duyệt để đơn vị làm căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Trịnh

Quận 12, ngày tháng năm 2023
PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG

Khuru Mạnh Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

**DỰ TOÁN CHI TIẾT TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT
SỐ 04/2023-NQ-HĐND NGÀY 12/7/2023**

Năm học 2023 - 2024

Đơn vị : đồng

STT	NỘI DUNG	Số dự toán		Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do...)
		Số lớp	Số học sinh	
I	SỐ HỌC SINH	62	2.851	
	+ Khối 6	20	959	
	+ Khối 7	17	769	
	+ Khối 8	13	574	
	+ Khối 9	12	549	
II	LOẠI HÌNH TIẾNG ANH			
	- <i>Học sinh học tiếng Anh bản ngữ</i>		2.851	
	+ Khối 6		959	
	+ Khối 7		769	
	+ Khối 8		574	
	+ Khối 9		549	
III	LOẠI HÌNH TIN HỌC		2.851	
	- <i>Học sinh học Tin học tự chọn</i>	12	549	
	+ Khối 9	12	549	
	- <i>Học sinh học Tin học IC3</i>	50	2.302	
	+ Khối 6	20	959	
	+ Khối 7	17	769	
	+ Khối 8	13	574	
IV	DỰ TOÁN			
1	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa			
1.1	Tiền Tin học tự chọn			
a.	Mức thu đề nghị		46.000	Không
b.	Tổng thu dự kiến (9th) K9		227.286.000	
c.	Nội dung chi		227.286.000	
*	Chi thanh toán cho cá nhân		94.572.900	
	- <i>Chi giáo viên dạy tin học (2 tiết/ tuần; 70.000đ/t)</i>		60.480.000	
	- <i>Chi tổ chức, quản lý (không quá 15%)</i>		34.092.900	
*	Chi nghiệp vụ chuyên môn, điện, nước, internet, văn phòng phẩm...: không quá 25%)		56.821.500	
*	Chi sửa chữa, mua sắm nhỏ cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ, đồ dùng dạy học...(phần còn lại)		75.891.600	
1.2	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống			
a.	Mức thu đề nghị (1 tiết/tuần)K6, K9		69.000	Tăng 2,250đ/tiết, tăng 15%
b.	Tổng thu dự kiến (7,5 tháng)		780.390.000	
c.	Nội dung chi		780.390.000	

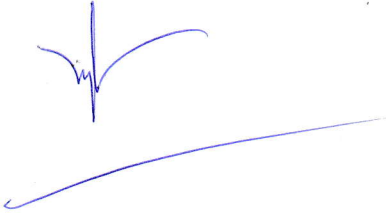
*	Chi công ty cung cấp dịch vụ giảng dạy KNS (68%)		530.665.200	
*	Chi thanh toán cho cá nhân		54.627.300	
	- Chi tổ chức, quản lý (không quá 7%)		54.627.300	
*	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%		15.607.800	
*	Chi nghiệp vụ chuyên môn, điện, nước, internet, văn phòng phẩm...: không quá 20%)		156.078.000	
*	Chi sửa chữa, mua sắm nhỏ cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ, đồ dùng dạy học...(phần còn lại)		23.411.700	
1.3	Tiền tổ chức Giáo dục Stem			
a.	Mức thu đề nghị (1 tiết/tuần)K7,K9		90.000	Tăng 2,500 đ/tiết tăng 12,5%
b	Tổng thu (7,5th)		889.650.000	
c	Nội dung chi		889.650.000	
*	Chi công ty cung cấp dịch vụ giảng dạy Stem (88%)		782.892.000	
*	Chi thanh toán cho cá nhân		53.379.000	
	- Chi tổ chức, quản lý (không quá 6%)		53.379.000	
*	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%		17.793.000	
*	Chi nghiệp vụ chuyên môn, điện, nước, internet, văn phòng phẩm...:không quá 2%)		17.793.000	
*	Chi sửa chữa, mua sắm nhỏ cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ, đồ dùng dạy học...(phần còn lại)		17.793.000	
1.4	Tiền tổ chức học bơi			
	Mức thu:			
a.1	Mức thu phí dạy bơi (2 tiết/tuần)K6-K7-K8		120.000	Không
a.2	Phí cấp giấy			
b.	Tổng thu		276.240.000	
b.1	Phí dạy bơi		276.240.000	
b.2	Phí cấp bằng		0	
c.	Nội dung chi		276.240.000	
*	Chi phí làm bằng hoàn thành bơi		0	
*	Chi công ty cung cấp dịch vụ giảng dạy bơi (78%)		215.467.200	
*	Chi thanh toán cho cá nhân		41.436.000	
	- Chi tổ chức, quản lý (không quá 15%)		41.436.000	
*	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%		5.524.800	
*	Chi nghiệp vụ chuyên môn, điện, nước, internet, văn phòng phẩm...: phần còn lại)		13.812.000	
1.5	Tiền tổ chức học Tiếng anh với người nước ngoài			
a.	Mức thu (2 tiết/tuần)K6-K7-K8		180.000	Không (đơn vị cung cấp không tăng)
b.	Tổng thu (7,5th)		3.107.700.000	
c.	Nội dung chi		3.107.700.000	
*	Chi công ty cung cấp dịch vụ giảng dạy (78%)		2.424.006.000	
*	Chi thanh toán cho cá nhân		217.539.000	
	- Chi tổ chức, quản lý (không quá 7%)		217.539.000	
*	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%		62.154.000	
*	Chi nghiệp vụ chuyên môn, điện, nước, internet, văn phòng phẩm...: không quá 10%)		310.770.000	

*	Chi sửa chữa, mua sắm nhỏ cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ, đồ dùng dạy học...(phần còn lại)		93.231.000	
2	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án			
2.1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TP HCM theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030" (IC3)			
a.	Mức thu: (60 tiết)		156.000	
b.	Tổng thu : 8 tháng		3.232.008.000	
	Thu giảng dạy		3.232.008.000	
c.	Nội dung chi :		3.232.008.000	
*	Chi công ty cung cấp dịch vụ giảng dạy (88% thu giảng dạy)		2.844.167.040	
*	Chi thanh toán cho cá nhân		193.920.480	
	- Chi tổ chức, quản lý (không quá 6% thu giảng dạy)		193.920.480	
*	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2%		64.640.160	
*	Chi nghiệp vụ chuyên môn, điện, nước, internet, văn phòng phẩm...: không quá 2%		64.640.160	
*	Chi sửa chữa, mua sắm nhỏ cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ, đồ dùng dạy học...(phần còn lại)		64.640.160	
3	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú			
4.	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh			
4.1	Tiền học phẩm (Ấn chỉ, ấn phẩm liên quan đến học sinh: Giấy thi, giấy nháp, hồ sơ học sinh)			
a.	Mức thu (năm học) K6-K7-K8-K9		50.000	Không
b.	Tổng thu		142.550.000	
c.	Nội dung chi :		142.550.000	
	Chi mua giấy a3, a4 làm bài kiểm tra (4 lần/năm),thuê máy photo ...		40.000.000	
	Chi mua hồ sơ học sinh (phù hiệu , sổ báo bài , ...)		102.550.000	
4.2	Tiền nước uống			
a.	Mức thu (8,5th) K6-K7-K8-K9		10.000	Không
	Tổng thu		242.335.000	
b.	Nội dung chi :		242.335.000	
	Số lượng nước sử dụng cho học sinh (Bình quân: $2.851hs * 0,5l/ng / 20l * 20ng = 1.782$ bình/tháng; 16.000đ/b)		242.335.000	
4.3	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu			
a.	Mức thu (năm học) K6-K7-K8-K9		22.000	Không
	Tổng thu		62.722.000	
b.	Nội dung chi :		62.722.000	
	Chi thuê khám sức khỏe cho học sinh (50.000đ/hs + số khám sức khỏe)		62.722.000	
4.4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số			Không
	Phần mềm trực tuyến ôn luyện			
a.	Mức thu đề nghị (1 tiết/tuần) K6-K7-K8-K9		45.000	
	Tổng thu (8th)		1.026.360.000	

b.	Nội dung chi		1.026.360.000	
	Chi công ty cung cấp dịch vụ giảng dạy (100%)		1.026.360.000	

Quận 12, ngày 27 tháng 09 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG



Hồ Ngọc Oanh

HIỆU TRƯỞNG

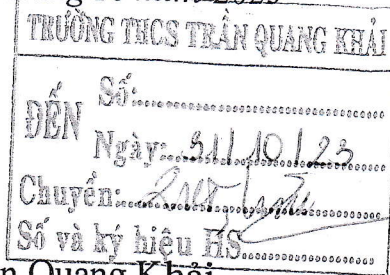


Đinh Văn Trịnh

Số: 1448/GDĐT-PT

Quận 12, ngày 27 tháng 10 năm 2023

Về việc phê duyệt các khoản thu
và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ,
hỗ trợ hoạt động giáo dục
của trường THCS Trần Quang Khải
năm học 2023 - 2024



Kính gửi: Hiệu trưởng trường THCS Trần Quang Khải.

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDĐT-TC ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Căn cứ Tờ trình số 301/TTr-TQK ngày 27 tháng 10 năm 2023 của trường THCS Trần Quang Khải về việc đề nghị phê duyệt mức thu các hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023 - 2024,

Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường THCS Trần Quang Khải năm học 2023 - 2024; đề nghị Hiệu trưởng trường THCS Trần Quang Khải triển khai thực hiện (phụ lục đính kèm)./.

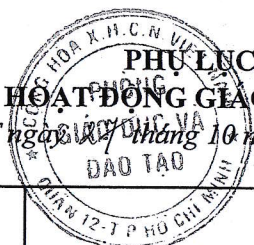
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P(PT).



CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI, NĂM HỌC 2023 - 2024

(Đính kèm Công văn số 1418/GDDT-PT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12)



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị phê duyệt	Mức thu phê duyệt	Ghi chú
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá				
1	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	đồng/học sinh/tháng	46.000	46.000	Áp dụng cho học sinh khối 9
2	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá				
2.1	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	69.000	69.000	
2.2	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	đồng/học sinh/tháng	90.000	90.000	
2.3	Tiền tổ chức học bơi	đồng/học sinh/tháng	120.000	120.000	Áp dụng cho học sinh khối 6, 7 chưa có giấy chứng nhận phổ cập bơi. Không bao gồm cấp giấy chứng nhận và thuê hồ bơi. Trường hợp học sinh đăng ký kiểm tra cấp giấy chứng nhận, phí là 20.000 đồng/lần (gồm phí kiểm tra cấp giấy chứng nhận và thuê hồ bơi phục vụ cho kiểm tra cấp giấy chứng nhận)
2.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	180.000	180.000	Áp dụng cho học sinh khối 6, 7, 8
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án				
3	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2023"	đồng/học sinh/tháng	156.000	156.000	Chương trình 60 tiết. Áp dụng cho học sinh khối 6, 7, 8
III	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
4	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	Dành cho học bạ, phù hiệu, giấy kiểm tra cắt phách, đề thi...
5	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	10.000	10.000	Tiền nước uống (một buổi)
6	Tiền khám sức khoẻ học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	22.000	22.000	
7	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	45.000	45.000	Dành cho phần mềm học trực tuyến...

Handwritten signature

Số: 296/TB-TQK

Quận 12, ngày 26 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024

Căn cứ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của Hội đồng Nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh NH2023-2024;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDDT-TC ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Căn cứ công văn số 1372/GDDT ngày 20/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiếp nhận giấy xác nhận cho học sinh thuộc hộ mới thoát mức chuẩn hộ nghèo;

Trường THCS Trần Quang Khải thông báo đến Quý phụ huynh các chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 như sau:

1. Đối tượng được miễn học phí :

1.1 Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (Con (con đẻ, con nuôi) của người có công *theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh*):

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

- d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- h) Bệnh binh;
- i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

1.2. Học sinh khuyết tật.

1.3. Học sinh không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi.

a. Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b. Học sinh mồ côi cha hoặc mẹ đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú), Thời gian thực hiện từ: 01/05/2022 đến hết ngày 31/12/2023 (Theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND):

+ Mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đã tử vong (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).

+ Mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ nghèo, hộ cận nghèo (thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo TP.HCM).

1.4. Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc **diện hộ nghèo TP.HCM**.

1.5. Học sinh là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (**con đẻ, con nuôi hợp pháp của Công an, cấp bậc: hạ sĩ quan, binh sĩ...**).

1.6. Học sinh là người dân tộc Chăm, Khmer và học sinh là người dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo.

Lưu ý: Các đối tượng **1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5** và **1.6** (cụ thể là học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền) trên không đóng các khoản thu

phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị miễn tiền đóng học phí:

Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu đơn theo Phụ lục II)

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn học phí:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với (**Đối tượng 1.1**) và **giấy khai sinh**.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với (**Đối tượng 1.2**).

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với (**Đối tượng 1.3**); trường hợp học sinh là **đối tượng được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND** nhưng chưa có **Quyết định về việc trợ cấp**, cơ sở giáo dục hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ và lập danh sách học sinh cùng Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo và giấy khai tử của cha hoặc mẹ hoặc người nuôi dưỡng của học sinh gửi về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông qua phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho (**Đối tượng 1.4**);

- Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với (**Đối tượng 1.5**) và **giấy khai sinh**.(tham khảo Mẫu số 02 -Tờ khai hưởng chế độ miễn học phí)

- Giấy khai sinh (dân tộc Chăm, Khmer) hoặc Giấy xác nhận HCN dân tộc thiểu số khác (**Đối tượng 1.6**).

2. Đối tượng được giảm 50% học phí:

2.1. Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

2.2. Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc **diện hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo trên địa bàn TP.HCM.**

Lưu ý: Các đối tượng **2.1, 2.2** trên không đóng các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023.

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị giảm tiền đóng học phí:

Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu đơn theo Phụ lục II)

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng giảm học phí đối với các đối tượng sau:

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với **đối tượng 2.1.**
- Giấy xác nhận hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp phường cấp cho **đối tượng 2.2.**

3. Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập: mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng

3.1. Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3.2. Học sinh bị khuyết tật.

3.3. Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo Tp.HCM

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập:

Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Mẫu đơn theo Phụ lục III)

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ **đối tượng 3.1.**
- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân phường cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận đối với học sinh bị khuyết tật **đối tượng 3.2.**
- Giấy chứng nhận hộ nghèo Tp.HCM **đối tượng 3.3.**

Lưu ý:

*** Học sinh vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên kèm đơn theo mẫu (Phụ lục IV).

*** Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

Trên đây là nhà trường Thông báo tới Quý Phụ huynh học sinh được biết và làm các hồ sơ theo hướng dẫn, nộp về bộ phận kế toán nhà trường thông qua GVCN của lớp từ ngày 26/10/2023 đến hết ngày 05/11/2023.



Đinh Văn Trịnh



Phụ lục

UBND QUẬN, HUYỆN, TP. THỦ ĐỨC (1)
UBND PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số GXN- ... (3)...

(4) ... ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY XÁC NHẬN

Cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và
hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo thành phố
giai đoạn 2021 – 2025

Năm

(5) Ủy ban nhân dân phường-xã-thị trấn.....chứng nhận:

Anh (chị):.....

Sinh ngày:....., tháng....., năm.....

Là thành viên của hộ ông/bà

Là:

+ Hộ nghèo mã số hộ:.....

+ Hộ cận nghèo mã số hộ:.....

+ Hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo mã số hộ:.....

Năm thoát mức chuẩn hộ cận nghèo:.....

Để bổ túc hồ sơ được miễn-giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy
định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, ... (6) A.xx (7)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ,
THỊ TRẤN
CHỦ TỊCH**

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy xác nhận
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy xác nhận.
- (4) Địa danh
- (5) Nội dung chứng nhận: xác định cụ thể người, sự việc, vấn đề được chứng nhận.
- (6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- (7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập.

Họ và tên (1) :

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2) :

Hiện đang học tại lớp:

Trường:

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81)

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

PHỤ LỤC III

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1):.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)

Căn cứ vào Nghị định số .../2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dùng cho các đối tượng được hưởng đồng thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập
theo quy định tại Nghị định số/2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1) :.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn giảm học phí và cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.